

Số: 541/BC-UBND

Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO
Việc thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số để thể chế hóa
Nghị quyết số 57-NQ/TW giai đoạn 2024-2026

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Công văn số 3800/SKHCN-CĐSBCTV ngày 07/10/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên về việc phối hợp báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề về việc ban hành, thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW; căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và kết quả triển khai thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã Chí Minh báo cáo như sau:

Xã Chí Minh được thành lập trên cơ sở sáp nhập các xã Chí Minh, xã Thuần Hưng và xã Nguyễn Huệ. Vì vậy, một số chỉ tiêu của năm 2024 và giai đoạn trước khi thành lập xã mới chưa được hợp nhất theo cùng phạm vi địa giới, tiêu chí thống kê; trong báo cáo này, các chỉ tiêu chưa có số liệu hợp nhất được ghi rõ để tiếp tục rà soát, không ước tính thay số liệu thực tế.

PHẦN 1
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. VỀ THỂ CHẾ HÓA VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt

UBND xã xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nhiệm vụ thường xuyên, liên ngành, gắn trực tiếp với cải cách hành chính, Đề án 06 và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo; Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban Chỉ đạo. Trong giai đoạn đầu triển khai, xã đã tổ chức 02 hội nghị quán triệt; Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc đã tổ chức 02 cuộc họp, đồng thời duy trì giao ban chuyên đề, rà soát tiến độ theo quý và theo đường găng nhiệm vụ.

Ngày 09/7/2026, UBND xã ban hành Quyết định số 1454/QĐ-UBND kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Công an xã là cơ quan thường trực. Ngày 11/7/2026, Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ thành lập Tổ giúp việc; các thành viên làm việc kiêm nhiệm, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp và tham mưu xử lý khó khăn theo từng lĩnh vực. Trách nhiệm người đứng đầu và đơn vị chủ trì được gắn với sản phẩm, thời hạn, minh chứng theo yêu cầu “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, rõ thẩm quyền”.

Hồ sơ hiện có chưa thống kê tách riêng số lượng “kết luận của Ban Chỉ đạo” dưới hình thức văn bản kết luận và tỷ lệ hoàn thành theo từng kết luận. Thực tế chỉ đạo được thể hiện qua kế hoạch, quyết định, phân công nhiệm vụ, báo cáo tháng và các mốc đường găng; UBND xã tiếp tục chuẩn hóa sổ theo dõi để lượng hóa chỉ tiêu này trong các kỳ tiếp theo.

2. Kết quả thể chế hóa và văn bản chỉ đạo, điều hành

Trong 09 tháng đầu năm 2026, UBND xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật về chuyển đổi số. Việc thể chế hóa trong phạm vi thẩm quyền cấp xã chủ yếu được thực hiện bằng kế hoạch, quyết định, quy chế, phân công và văn bản tổ chức thực hiện. Các văn bản trọng tâm gồm: kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 15/01/2026 của UBND xã Chí Minh về thực hiện Chuyển đổi số năm 2026; Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 08/5/2026 kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 06/3/2026 về Nghị Quyết số 57-NQ- TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026; Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 26/06/2026 về thúc đẩy phong trào thi đua đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất; Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 15/07/2026 về triển khai Mô hình Chuyển đổi số cấp xã giai đoạn 2026-2028; Kế hoạch số 220/KH- UBND ngày 19/07/2026 về hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số; Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 31/07/2026 về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030;

Đối với các cơ chế thuộc thẩm quyền Trung ương, tỉnh như khung kiến trúc dữ liệu, định mức kỹ thuật, cơ chế đặt hàng công nghệ, sandbox, định giá dữ liệu, cơ chế Tổng công trình sư/Kiến trúc sư trưởng, UBND xã thực hiện theo văn bản và nền tảng dùng chung của cấp có thẩm quyền; cấp xã không tự ban hành cơ chế riêng vượt thẩm quyền.

3. Việc áp dụng khung kiến trúc, nguyên tắc dùng chung và kết nối dữ liệu

UBND xã không xây dựng khung kiến trúc số độc lập mà thực hiện theo kiến trúc, tiêu chuẩn, nền tảng và trực tích hợp dùng chung của tỉnh. Kế hoạch giai đoạn 2026-2030 xác định nguyên tắc không đầu tư dàn trải, không xây dựng hệ thống riêng lẻ khi tỉnh đã có nền tảng dùng chung. Việc kết nối, khai thác LGSP và các nền tảng dùng chung đang được triển khai theo tiến độ của tỉnh, dự kiến hoàn thành các nội dung thuộc phạm vi xã trong tháng 12/2026.

Đến thời điểm báo cáo, chưa ghi nhận đầu tư phần mềm trùng chức năng do xã tự xây dựng; tuy nhiên khả năng liên thông, tái sử dụng dữ liệu còn hạn chế, phụ thuộc tiêu chuẩn kết nối và khả năng chia sẻ dữ liệu của các hệ thống cấp trên. Đây là nguyên nhân trực tiếp khiến tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC chưa đạt yêu cầu.

4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

Sau khi UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 294/KH-UBND và Kế hoạch số 303/KH-UBND, xã ban hành Kế hoạch tổ chức lại danh mục thành 33 nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 thuộc 06 nhóm nhiệm vụ. Xã 06 nhiệm vụ được cập nhật đã hoàn thành/đã thực hiện, 27 nhiệm vụ đang triển khai, không có nhiệm vụ đề nghị dừng.

Các sản phẩm đã hình thành và đang vận hành gồm: kế hoạch giai đoạn 2026-2030 và bảng giao nhiệm vụ; Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc và Tổ công nghệ số cộng đồng; điều kiện kỹ thuật tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; học bạ số và số hóa dữ liệu giáo dục; các hoạt động “Bình dân học vụ số”; truyền thông KHCN, ĐMST, CDS; văn bản điện tử, chữ ký số; số hóa hồ sơ TTHC và các nền tảng dùng chung. Các nhiệm vụ còn lại đang tập trung vào LGSP, hồ sơ an toàn thông tin cấp độ 2, sao lưu/ứng cứu sự cố, Sổ sức khỏe điện tử, dữ liệu đất đai, địa chỉ số, trợ lý ảo, IOC, truyền thanh thông minh và hỗ trợ kinh tế số.

5. Cơ chế Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng

Cấp xã chưa được giao xác định, tuyển dụng hoặc bố trí vị trí Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng; chưa phát sinh hồ sơ tuyển dụng, ứng viên hoặc cơ chế đãi ngộ riêng. UBND xã thực hiện theo hướng dẫn của tỉnh và kiến nghị có cơ chế chuyên gia/đầu mối kỹ thuật hỗ trợ cấp xã đối với các nội dung kiến trúc, dữ liệu, tích hợp và an toàn thông tin.

6. Kiểm tra, giám sát, đôn đốc và xử lý phản ánh, kiến nghị

UBND xã thực hiện theo dõi tiến độ nhiệm vụ hằng tuần, hằng tháng; giao ban chuyên đề; rà soát nhiệm vụ sắp đến hạn và yêu cầu nhiệm vụ có nguy cơ chậm phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm, thời gian hoàn thành mới. Trong kỳ báo cáo Nghị quyết 57 trước đây không phát sinh phản ánh, kiến nghị trên hệ thống pagn.nq57.vn; Báo cáo CCHC Quý III/2026 cũng không ghi nhận phản ánh, kiến nghị liên quan đến quy định và giải quyết TTHC. Công tác kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính tiếp tục được thực hiện, trong đó UBND xã đã ban hành công triển khai Chỉ thị số 13/CT-UBND của UBND tỉnh.

II. VỀ HUY ĐỘNG VÀ PHÂN BỐ NGUỒN LỰC CHO CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Nguồn lực tài chính

Tổng kinh phí UBND xã Chí Minh đã giải ngân đến thời điểm báo cáo là 1.457.092.726/ 2.706.000.000 (đạt tỷ lệ 53.84%), số kinh phí còn lại chưa giải ngân là 1.248.907.242 đồng.

2. Nguồn lực ngoài ngân sách và cơ chế quỹ

Chưa có số liệu xác nhận nguồn vốn doanh nghiệp, tài trợ, hợp tác công - tư hoặc tài trợ quốc tế được hạch toán riêng cho chuyển đổi số của xã trong giai đoạn báo cáo. Xã có phối hợp doanh nghiệp viễn thông, ngân hàng và đơn vị cung cấp nền tảng trong truyền thông, hỗ trợ kỹ thuật, nhưng hồ sơ chưa lượng hóa giá trị nguồn lực xã hội hóa. Cấp xã không thành lập quỹ chuyên biệt về chuyển đổi số.

3. Nguồn nhân lực chuyên gia và nhân lực thực thi

UBND xã chưa có chuyên gia chuyên trách về kiến trúc hệ thống, dữ liệu, an toàn thông tin hoặc trí tuệ nhân tạo. Về nhân lực thực thi, Báo cáo CCHC Quý III/2026 cho thấy biên chế công chức được giao 42 người, có mặt 39 người, có 01 lao động hợp đồng; còn thiếu 03 công chức so với biên chế được giao. Trong quý III, xã điều động 01 công chức từ Trung tâm Phục vụ hành chính công đến Phòng Văn hóa - Xã hội để phụ trách vị trí chuyên viên ứng dụng CNTT, chuyển đổi số. Các báo cáo chuyên đề đồng thời phản ánh thực tế mới có 01 đầu mối phụ trách CNTT/CDS và còn phải kiêm nhiệm nhiều việc.

100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện triệu tập tham gia các lớp tập huấn do cấp tỉnh tổ chức; xã đã sử dụng 63 triệu đồng tổ chức 01 buổi tập huấn về chuyển đổi số, an toàn thông tin và ứng dụng AI cho cán bộ, công chức, giáo viên. Tuy nhiên, hồ sơ chưa thống kê đầy đủ số giờ đào tạo theo từng người, tỷ lệ có chuyên môn CNTT phù hợp và biến động riêng của nhân lực chuyển đổi số.

4. Kỹ năng số của cộng đồng và Tổ công nghệ số cộng đồng

Sau sắp xếp thôn, UBND xã ban hành Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 kiện toàn 01 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và các Tổ công nghệ số cộng đồng tại 17 thôn. Xác định hoạt động theo phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, tập trung dịch vụ công trực tuyến, VNeID, chữ ký số cá nhân, thanh toán số, Sổ sức khỏe điện tử, thương mại điện tử và kỹ năng an toàn trên môi trường mạng.

Các Tổ đã được giao nhiệm vụ tuyên truyền, hỗ trợ người dân và triển khai “Bình dân học vụ số”; tuy nhiên Báo cáo tháng 9 cho biết chưa bố trí kinh phí hoạt động riêng cho Tổ công nghệ số cộng đồng. Hồ sơ chưa có số liệu tổng hợp về số người được cấp chứng nhận kỹ năng số, tỷ lệ người dân tự thực hiện DVC trực tuyến toàn trình, tỷ lệ tài khoản định danh điện tử mức 2 sử dụng thường xuyên. UBND xã đang chuyển yêu cầu báo cáo từ số lượt tuyên truyền sang kết quả vận dụng thực tế.

5. Nguồn lực hạ tầng, dữ liệu và công nghệ huy động từ doanh nghiệp

Chưa có số liệu hạch toán riêng về giá trị hạ tầng, dữ liệu, công nghệ do doanh nghiệp tài trợ hoặc thuê dịch vụ CNTT theo từng hợp đồng. Các dịch vụ viễn thông, internet, nền tảng dùng chung được khai thác theo hợp đồng/dự án và hướng dẫn của tỉnh; UBND xã đề nghị các nhà cung cấp bảo đảm chất lượng đường truyền, khả năng tích hợp, hỗ trợ kỹ thuật và công khai đầu mối xử lý sự cố.

III. VỀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ

1. Hạ tầng số

Theo số liệu tổng hợp giữa năm 2026, trụ sở xã có mạng LAN 100Mbps, các gói internet từ 300Mbps đến 500Mbps; 100% địa bàn thôn có điện lưới và sóng di động, hồ sơ chưa ghi nhận thôn không có internet. Chưa có số liệu tách riêng về mức phủ 5G, số điểm mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng bảo mật và mạng mật liên thông. Trong Kế hoạch 100 ngày, xã đã đặt yêu cầu rà soát toàn bộ chất lượng phủ sóng, đường truyền tại trụ sở, Trung tâm Phục vụ hành chính công, trường học, Trạm Y tế và các điểm công cộng để lập danh mục điểm nghẽn nếu phát sinh.

2. Thiết bị đầu cuối

Máy tính, máy in đảm bảo cho cán bộ công chức viên chức làm việc; hạ tầng cơ bản đáp ứng xử lý công việc trên môi trường số. Nhiệm vụ rà soát mạng LAN, thiết bị đầu cuối, đường truyền, phần mềm và tài khoản đang gắn với gói đầu tư khoảng 1.2 tỷ đồng; thời điểm Báo cáo tháng 9 vẫn đang trong quá trình thực hiện.

3. Hạ tầng tính toán

UBND xã không đầu tư, vận hành trung tâm dữ liệu riêng. Phương án của xã là khai thác hạ tầng, cơ sở dữ liệu và nền tảng dùng chung do Trung ương, tỉnh cung cấp; các nhu

cầu tính toán, lưu trữ lớn thực hiện theo hạ tầng cấp trên hoặc dịch vụ được phê duyệt. Cách tiếp cận này phù hợp chủ trương không đầu tư hệ thống riêng lẻ, hạn chế trùng lặp, phân tán và chi phí vận hành tại cấp xã.

4. Dữ liệu số, làm sạch, kết nối và tái sử dụng

Dữ liệu cán bộ, công chức đã số hóa 100% theo kỳ báo cáo; dữ liệu giáo dục có 3912 học sinh có hồ sơ điện tử. Việc số hóa đã hỗ trợ giải quyết TTHC, quản lý dân cư, hộ tịch, địa chính, giáo dục và nhân sự.

Trong khi đó, Quý III/2026 đạt 100% số hóa thành phần hồ sơ và 100% số hóa kết quả giải quyết để tạo điều kiện tái sử dụng. UBND xã đang tiếp tục chuẩn hóa, đối soát và kết nối theo yêu cầu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

5. Nền tảng số dùng chung và gánh nặng vận hành

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành có 39/39 tài khoản hoạt động; 100% văn bản không mật được ký số. Các hệ thống dịch vụ công, hộ tịch, đất đai, báo cáo, định danh, giáo dục và nền tảng chuyên ngành được sử dụng theo phân quyền.

Đối với trợ lý ảo, Báo cáo tháng 9 ghi nhận 15/39 tài khoản đã đăng nhập sử dụng, 24 tài khoản chưa được cấp; tính năng chủ yếu mới hỗ trợ tìm kiếm văn bản. Hồ sơ chưa thống kê đầy đủ số phần mềm, số tài khoản bình quân mà một công chức cấp xã phải dùng hằng ngày và số lần nhập lại cùng một thông tin. Đây là chỉ tiêu cần được bổ sung để đánh giá đúng KPI “một việc - một hệ thống - một lần nhập liệu”.

6. Thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

Kết quả Quý III/2026 cho thấy Trung tâm Phục vụ hành chính công duy trì máy tính, máy quét chuyên dụng, mạng LAN và Smart Kiosk; bố trí 04 công chức chuyên môn trực tiếp hướng dẫn người dân. Trong kỳ tiếp nhận 7979 hồ sơ (trực tuyến: 7971; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 08); số từ kỳ trước chuyển qua: 97.

+ Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 7912; trong đó, giải quyết trước hạn: 7886, đúng hạn: 26, quá hạn: 51 hồ sơ

+ Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 16; trong đó, trong hạn: 16, quá hạn: 00 hồ sơ.

+ Tỷ lệ số hóa hồ sơ TTHC đạt 100%; tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC đạt 100%.

+ Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 100%.

7. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ số trong hoạt động công vụ

Xã đã tổ chức tập huấn và bước đầu sử dụng AI để hỗ trợ tìm kiếm văn bản, soạn thảo, tổng hợp thông tin và tham mưu; chưa xây dựng hệ thống AI độc lập. Việc khai thác trợ lý ảo cấp tỉnh còn phụ thuộc cấp tài khoản và hoàn thiện tính năng. Hiện chưa có bộ số liệu đo lường theo 03 trụ cột của Đề cương gồm năng suất, độ tin cậy và trách nhiệm giải trình; chưa lượng hóa số bước thủ công giảm, thời gian tiết kiệm, tỷ lệ sai sót phải sửa. Các

kết quả AI chỉ được sử dụng ở mức hỗ trợ, văn bản/hồ sơ chính thức vẫn phải do cán bộ chuyên môn kiểm tra và lãnh đạo có thẩm quyền phê duyệt, ký số.

8. Chuyển đổi số phục vụ mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Sau khi thành lập xã trên cơ sở sáp nhập 03 xã và tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp, hệ thống văn bản điện tử, ký số, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng chuyên ngành cơ bản vận hành thông suốt. Việc tổ chức lại 22 thôn thành 17 thôn đồng thời được gắn với kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng. Những khó khăn chính ở cấp xã là khối lượng công việc tăng, công chức phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực; thiết bị chưa đồng đều; đường truyền, điện và một số phần mềm chuyên ngành có thời điểm gián đoạn; nhiều nhiệm vụ phụ thuộc nền tảng, tài khoản, dữ liệu và hướng dẫn kỹ thuật của cấp tỉnh.

IV. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ

1. Kinh tế số và kinh tế dữ liệu

Cấp xã chưa có phương pháp và số liệu chính thức để tính tỷ trọng kinh tế số trong GRDP; hồ sơ chưa có số liệu doanh thu, nộp ngân sách hoặc kim ngạch xuất khẩu sản phẩm công nghệ số. Báo cáo năm 2026 ghi nhận trên địa bàn có 06 doanh nghiệp đang hoạt động trong phạm vi thống kê của báo cáo, chưa phát sinh doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ICT, hoạt động R&D hoặc khởi nghiệp sáng tạo quy mô độc lập.

Kinh tế dữ liệu chưa hình thành thành thị trường ở cấp xã; chưa có bộ dữ liệu mở do xã công bố để giao dịch, chưa phát sinh giao dịch dữ liệu. Tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC trước đây ghi nhận 0%, cho thấy dữ liệu đã được số hóa nhưng giá trị khai thác liên thông còn thấp. UBND xã tiếp tục làm sạch dữ liệu, phối hợp kết nối nền tảng và hạn chế yêu cầu người dân kê khai lại thông tin đã có khi hệ thống cho phép.

2. Chuyển đổi số doanh nghiệp, hộ kinh doanh và hợp tác xã

Hoạt động hỗ trợ hiện tập trung tuyên truyền, hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt, mã QR, quảng bá sản phẩm, quản lý đơn hàng, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử và hợp đồng điện tử. Kế hoạch 6 tháng cuối năm giao mỗi thôn hỗ trợ tối thiểu 05 hộ sản xuất, hộ kinh doanh, tổ hợp tác hoặc hợp tác xã áp dụng ít nhất một giải pháp số; nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, HTX, hộ kinh doanh được bố trí trong Quý IV/2026. Chưa có số liệu tổng hợp về tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng số, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử và thương mại điện tử tại thời điểm báo cáo.

3. Xã hội số

Xã tiếp tục triển khai định danh điện tử, thanh toán số, giáo dục số và y tế số. Lĩnh vực giáo dục có 3.912 học sinh có hồ sơ điện tử; Trung tâm Phục vụ hành chính công đạt tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 100% trong Quý III. Kế hoạch triển khai chiến dịch 100 ngày tạo lập, cập nhật Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID, huy động Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế, Công an xã, các thôn và đoàn thể phối hợp. Tuy nhiên chưa có số liệu kết quả cuối kỳ về tỷ lệ người dân có VNeID mức 2, tỷ lệ người trưởng thành có tài khoản thanh toán hoặc tỷ lệ người dân sử dụng Sổ sức khỏe điện tử trong hồ sơ đã cung cấp.

4. Khoảng cách số và khả năng tiếp cận

Khoảng cách về hạ tầng địa lý không phải là điểm nghẽn lớn theo số liệu giữa năm vì 100% thôn có điện lưới và sóng di động, chưa ghi nhận vùng lõm internet. Khoảng cách số chủ yếu xuất hiện theo nhóm tuổi và kỹ năng: một bộ phận người cao tuổi, người ít sử dụng điện thoại thông minh và nhóm yếu thế còn khó tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến, cần cán bộ Trung tâm Phục vụ hành chính công và Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ trực tiếp. Xã chưa có bộ chỉ số định lượng khoảng cách số theo nhóm tuổi, thu nhập hoặc khu vực dân cư.

5. Đóng góp của chuyển đổi số vào hiệu quả quản trị và năng suất

Một số kết quả có thể lượng hóa gồm: tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến tăng từ 46.5% năm 2025 lên 100% đối với hồ sơ đủ điều kiện ở các kỳ báo cáo năm 2026; 100% hồ sơ tiếp nhận trong Quý III được số hóa thành phần và kết quả; 99,87% hồ sơ đã giải quyết trong kỳ được xử lý trước hạn; thanh toán trực tuyến đạt 100%; 100% văn bản không mật ký số. Chưa có phương pháp hạch toán thống nhất để quy đổi thành chi phí xã hội tiết kiệm, TFP hoặc giá trị tăng thêm của kinh tế số ở cấp xã.

V. VỀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG, AN TOÀN DỮ LIỆU VÀ CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM KHÁC

1. An toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

Xã đã ban hành và triển khai các quy định về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu; Kế hoạch 100 ngày yêu cầu rà soát hồ sơ cấp độ, quy chế, tài khoản, phân quyền và phương án bảo đảm an toàn thông tin. Đến Báo cáo tháng 9, hồ sơ cấp độ 2 và giải pháp bảo đảm an toàn thông tin vẫn đang được rà soát, hoàn thiện, gắn với quá trình lựa chọn nhà thầu nâng cấp mạng LAN và bảo mật; chưa đủ cơ sở để xác nhận đã phê duyệt và triển khai đầy đủ cho 100% hệ thống. Mốc hoàn thành nội dung hồ sơ được đặt trước ngày 31/10/2026.

2. Giám sát, ứng cứu sự cố, sao lưu và phục hồi dữ liệu

UBND xã giao Văn phòng HĐND và UBND phối hợp Công an xã và các đơn vị xây dựng lịch sao lưu, kiểm tra bản sao, phương án và đầu mối ứng cứu sự cố, dự kiến hoàn thành trước ngày 30/11/2026 và duy trì thường xuyên. Hồ sơ chưa có số liệu thống kê riêng về số sự cố an toàn thông tin, thời gian phát hiện/khắc phục, số lỗi hỏng nghiêm trọng hoặc kết quả diễn tập thực chiến. Các sự cố điện, thiết bị và lỗi phần mềm làm 04 hồ sơ TTHC quá hạn trong Quý III được xác định là sự cố vận hành, không có căn cứ xếp là sự cố an toàn thông tin.

3. An toàn thiết bị đầu cuối, bảo vệ dữ liệu cá nhân

Các kế hoạch của xã yêu cầu rà soát thiết bị đầu cuối, tài khoản, phần mềm, phân quyền; không cài đặt ứng dụng không rõ nguồn gốc; không thu giữ mật khẩu, OTP, PIN khi hỗ trợ người dân; bảo đảm bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn bộ quá trình thu thập, cập nhật và khai thác. Chưa có báo cáo xác nhận vụ việc lộ, lọt, mua bán dữ liệu cá nhân phát sinh tại cơ quan xã trong kỳ; UBND xã tiếp tục duy trì giám sát, tuyên truyền và xử lý theo thẩm quyền khi có vụ việc.

4. Mật mã, chữ ký số

Xã có 01 chứng thư số tổ chức UBND xã, 04 chứng thư số đơn vị và 39/39 lãnh đạo, công chức có chứng thư số cá nhân tại thời điểm chốt số liệu; 100% văn bản không mật được ký số. Việc rà soát, cấp bổ sung chứng thư và quản lý SIM ký số tiếp tục được thực hiện.

5. Nhận thức, kỹ năng an toàn thông tin và truyền thông

An toàn thông tin là một nội dung của 03 buổi tập huấn chuyển đổi số do xã tổ chức bằng nguồn ngân sách xã; đồng thời được lồng ghép trong “Bình dân học vụ số”, hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử, Fanpage, Zalo OA và hệ thống truyền thanh. Nội dung tập trung nhận diện lừa đảo trực tuyến, bảo vệ tài khoản và dữ liệu cá nhân, sử dụng công cụ số an toàn. Hợp tác quốc tế chuyên biệt về an toàn thông tin/chuyển đổi số chưa phát sinh ở cấp xã.

PHẦN 2

KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP

I. VỀ THỂ CHẾ HÓA VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tôn tại, hạn chế và tác động

- Một số nhiệm vụ kỹ thuật của cấp xã phụ thuộc tiêu chuẩn, tài khoản, API, kho dữ liệu và nền tảng dùng chung của tỉnh; tiến độ LGSP, IOC, trợ lý ảo, số hóa 3D/360 và một số kết nối chuyên ngành chưa thể chủ động hoàn toàn. Hệ quả là địa phương khó lượng hóa KPI tái sử dụng dữ liệu, “một lần nhập liệu” và hiệu quả liên thông.

- Hồ sơ chưa tách riêng số kết luận Ban Chỉ đạo, tỷ lệ thực hiện theo kết luận, số nhiệm vụ theo từng văn bản cấp trên và số sản phẩm có người dùng thực tế; việc theo dõi vẫn còn một phần thủ công, chưa có dashboard thống nhất.

- Một số chỉ tiêu giữa các báo cáo thay đổi do thời điểm chốt, thay đổi danh mục TTHC, tổ chức lại bộ máy và bổ sung dự toán; nếu không đối chiếu trước khi phát hành có thể gây chênh lệch số liệu tổng hợp cấp tỉnh.

2. Nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp

Nguyên nhân khách quan là chuyển đổi số có tính liên ngành, thay đổi nhanh, xã đồng thời vận hành mô hình chính quyền hai cấp sau sáp nhập; nhiều tiêu chuẩn, nền tảng do cấp trên quyết định. Nguyên nhân chủ quan là năng lực thống kê số liệu và quản trị dữ liệu tại cấp xã chưa đồng đều; chưa có dashboard và bộ tiêu chí theo dõi xuyên suốt. Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Văn hóa - Xã hội, Công an xã và các đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm chuẩn hóa sổ theo dõi, đối chiếu số liệu, không xác nhận nhiệm vụ hoàn thành nếu chưa có sản phẩm và minh chứng.

Giải pháp: hoàn thiện bảng theo dõi nhiệm vụ và dữ liệu minh chứng trong Quý IV/2026; rà soát, thống nhất số liệu TTHC, tài chính, nhân lực trước mỗi kỳ báo cáo; bám sát Sở Khoa học và Công nghệ để hoàn thiện LGSP và tiêu chuẩn tích hợp trong tháng 12/2026; kiến nghị tỉnh ban hành hướng dẫn kỹ thuật, đầu mối hỗ trợ và biểu mẫu đo lường thống nhất cho cấp xã.

II. VỀ HUY ĐỘNG VÀ PHÂN BỐ NGUỒN LỰC

1. Tồn tại, hạn chế và tác động

- Nhân lực số còn mỏng: 01 đầu mỗi CNTT/CĐS phải kiêm nhiệm; toàn cơ quan còn thiếu 03 công chức so với biên chế được giao. Tổ công nghệ số cộng đồng đã kiện toàn nhưng chưa có kinh phí hoạt động riêng, ảnh hưởng tần suất hỗ trợ người dân và việc thu thập minh chứng.

- Đào tạo đã triển khai nhưng chưa đo đầy đủ chuẩn đầu ra, số giờ thực học và khả năng áp dụng sau tập huấn; chưa có dữ liệu tỷ lệ người dân tự làm DVC, sử dụng VNeID mức 2 thường xuyên hoặc tự bảo vệ tài khoản số.

2. Giải pháp và thời hạn

Đẩy nhanh lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hồ sơ mua sắm, nghiệm thu, thanh toán các nhiệm vụ hạ tầng và an toàn thông tin; rà soát tiến độ giải ngân hằng tuần đến 30/11/2026. Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội và bộ phận tài chính phối hợp tách rõ nguồn vốn, loại chi, số đã giao, số giải ngân và chi phí vòng đời.

Bố trí kinh phí hoạt động cho Tổ công nghệ số cộng đồng. Các lớp đào tạo từ Quý IV/2026 phải gắn với bài kiểm tra/tình huống thực hành và chỉ tiêu đầu ra.

III. VỀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ

1. Tồn tại, hạn chế và tác động

- Hệ quả là người dân có thể vẫn phải cung cấp lại thông tin và cán bộ phải đối soát thủ công.

- Công chức sử dụng nhiều hệ thống chuyên ngành nhưng chưa có thống kê số phần mềm/tài khoản và số lần nhập lại dữ liệu. Trợ lý ảo mới có 15/39 tài khoản đăng nhập, 24 tài khoản chưa được cấp; tính năng còn hạn chế và chưa có chỉ số năng suất, độ tin cậy.

- Chưa đo được tỷ lệ người dân tự nộp hồ sơ so với cán bộ hỗ trợ thao tác, tỷ lệ bỏ dở hồ sơ trực tuyến, thời gian và chi phí xã hội thực tế được cắt giảm. Do đó, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến cao chưa phản ánh đầy đủ mức độ tự chủ số của người dân.

2. Giải pháp và thời hạn

Hoàn thành rà soát thiết bị và danh mục thay thế trong Quý IV/2026; ưu tiên Trung tâm Phục vụ hành chính công, cán bộ xử lý TTHC và các vị trí dữ liệu trọng yếu. Hoàn thiện hồ sơ an toàn thông tin trước 31/10/2026, phương án sao lưu/ứng cứu sự cố trước 30/11/2026, kết nối LGSP theo lộ trình tháng 12/2026.

Tổ chức chiến dịch làm sạch dữ liệu hộ tịch, địa chính, dữ liệu chuyên ngành; xác lập chủ thể chịu trách nhiệm, tần suất cập nhật và số lỗi dữ liệu. Trung tâm Phục vụ hành chính công bổ sung các chỉ tiêu tỷ lệ tự nộp, tỷ lệ bỏ dở, tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu và nguyên nhân hồ sơ phải hỗ trợ; thực hiện đo lường hằng tháng từ Quý IV/2026.

Đối với AI, chỉ triển khai trên dữ liệu và tài khoản được cấp; xây dựng nguyên tắc kiểm chứng đầu ra, không sử dụng kết quả AI thay cho quyết định của người có thẩm quyền; đề nghị tỉnh cấp đủ tài khoản và bổ sung tính năng phục vụ công việc thực tế.

IV. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ

1. Tồn tại, hạn chế và tác động

- Chưa có số liệu thống kê tỷ trọng kinh tế số, tỷ lệ doanh nghiệp/HTX/hộ kinh doanh dùng nền tảng số, hợp đồng điện tử, thương mại điện tử; chưa lượng hóa giá trị tạo ra từ dữ liệu. Vì vậy địa phương khó đánh giá tác động của chuyển đổi số tới tăng trưởng, năng suất và doanh thu.

- Khoảng cách số theo tuổi còn rõ: người cao tuổi, người ít sử dụng thiết bị thông minh phải phụ thuộc hỗ trợ trực tiếp; nếu chỉ đo tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mà không đo khả năng tự thực hiện sẽ che khuất khoảng cách kỹ năng.

- Số sức khỏe điện tử, chữ ký số cá nhân, định danh tổ chức và hỗ trợ kinh tế số đang triển khai nhưng chưa có số liệu kết quả cuối kỳ để đánh giá mức độ sử dụng thường xuyên.

2. Giải pháp và thời hạn

Trong Quý IV/2026, Phòng Kinh tế phối hợp Tổ công nghệ số cộng đồng rà soát doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh, ghi nhận tối thiểu các chỉ số: có tài khoản thanh toán số, mã QR, gian hàng/nền tảng số, hợp đồng điện tử, doanh thu trực tuyến nếu có. Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp Công an xã, Trạm Y tế và các thôn tổng hợp chỉ tiêu VNeID mức 2, Số sức khỏe điện tử, kỹ năng số và nhóm cần hỗ trợ.

Tiếp tục duy trì điểm hỗ trợ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và nhà văn hóa thôn; ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật, hộ nghèo/cận nghèo và người ít sử dụng điện thoại thông minh; lấy tỷ lệ tự thực hiện lại được thao tác sau hướng dẫn làm tiêu chí đánh giá.

V. VỀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN, AN TOÀN DỮ LIỆU

1. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

- Hồ sơ cấp độ 2 và giải pháp bảo đảm an toàn thông tin chưa hoàn thiện tại thời điểm Báo cáo tháng 9; gói nâng cấp vẫn trong quá trình thực hiện. Nhân lực an toàn thông tin chuyên trách chưa có, chủ yếu do đầu mối CNTT kiêm nhiệm.

- Chưa có số liệu định kỳ về lỗ hổng, sự cố, thời gian phát hiện/khắc phục, kiểm thử phục hồi bản sao lưu và diễn tập thực chiến. Nếu không lượng hóa, khó đánh giá mức độ sẵn sàng ứng cứu.

- Công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân đã được quy định trong kế hoạch nhưng nhận thức của người dùng cuối và cộng đồng cần tiếp tục củng cố trước nguy cơ lừa đảo, chiếm đoạt tài khoản và mã xác thực.

2. Giải pháp và thời hạn

Hoàn thiện hồ sơ cấp độ và phương án bảo vệ trước 31/10/2026; hoàn thành lịch sao lưu, kiểm tra bản sao và đầu mối ứng cứu trước 30/11/2026; sau đầu tư tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá đáp ứng cấp độ. Duy trì rà soát tài khoản, phân quyền tối thiểu, khóa tài khoản không còn nhu cầu và cập nhật phần mềm an toàn.

Tổ chức hoặc tham gia diễn tập/huấn luyện theo kế hoạch của tỉnh; mở sổ ghi nhận sự cố, thời gian phát hiện, thời gian khắc phục và nguyên nhân gốc. Tiếp tục tuyên truyền quy tắc không cung cấp mật khẩu, OTP, PIN; hướng dẫn người dân phản ánh lừa đảo tới Công an xã hoặc cơ quan có thẩm quyền.

PHẦN 3 **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Đối với UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ

Đề nghị ban hành/hướng dẫn thống nhất tiêu chuẩn kết nối LGSP, API, mô hình dữ liệu dùng chung, danh mục nền tảng bắt buộc và cơ chế hỗ trợ kỹ thuật thường trực cho cấp xã; cung cấp bộ chỉ số đo “một việc - một hệ thống - một lần nhập liệu”, tái sử dụng dữ liệu, mức độ tự nộp DVC và hiệu quả AI. Đề nghị hoàn thành/hướng dẫn các nội dung cấp bách trong Quý IV/2026 để địa phương kịp triển khai nhiệm vụ năm 2026.

2. Đối với Văn phòng UBND tỉnh và các sở quản lý cơ sở dữ liệu, nền tảng chuyên ngành

Đề nghị đẩy nhanh tái cấu trúc quy trình TTTC, kết nối và chia sẻ dữ liệu để giảm thành phần hồ sơ, giảm nhập lại thông tin; bảo đảm hệ thống dùng chung ổn định, có cơ chế thông báo sự cố và thời gian khắc phục; thống nhất danh mục TTTC hiện hành để địa phương chốt số liệu báo cáo.

Trên đây là Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số để thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW giai đoạn 2024-2026 của UBND xã Chí Minh. UBND xã kính gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT. UBND xã
- Lưu: VT, VHXH. *S*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHÍ MINH
Họ tên: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
TRUNG YẾN
Thời gian ký: 09/10/2026 12:37:12

Đặng Quang Trung

